

THỰC HIỆN ĐỒNG BỘ CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

PHẠM KHÔI NGUYỄN*

Tình hình kinh tế - xã hội nước ta thời gian qua, đặc biệt là từ khi thực hiện chính sách đổi mới, đã có bước phát triển hết sức quan trọng. Tốc độ tăng GDP luôn đạt mức cao trong suốt hơn mười năm qua. Cơ cấu kinh tế chuyển đổi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội đều có bước chuyển biến tích cực, đời sống của nhân dân không ngừng được nâng cao. Tuy vậy, cùng với quá trình phát triển đó, hiện nay, nước ta đang đứng trước nhiều thách thức về môi trường. Trong bối cảnh đó, ngày 15-11-2004, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IX đã ra Nghị quyết 41-NQ/TW, Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và ngày 22-02-2005, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết này.

Được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các đoàn thể, sự hưởng ứng của nhân dân và sự giúp đỡ thông qua viện trợ, cam kết quốc tế, công tác bảo vệ môi trường ở nước ta trong thời gian qua đã đạt được những kết quả bước đầu hết sức quan trọng trên các mặt sau:

Điểm nổi bật cơ bản nhất, là chúng ta ngày càng nhận thức rõ hơn vai trò của bảo vệ môi trường trong sự phát triển bền vững của đất nước. Điều đó được

* TS. Bộ Tài nguyên và Môi trường.

thể hiện trước hết trong các văn kiện của Đảng. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nêu rõ: " phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ trường". Theo tinh thần đó, Nghị quyết 41- NQ/ TW của Bộ Chính trị đã khẳng định quan điểm chỉ đạo xuyên suốt về bảo vệ môi trường phải được gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế và bảo đảm công bằng xã hội.

Trong xã hội, nhận thức về môi trường cũng ngày càng được nâng cao, nhất là trong bối cảnh môi trường đã trở thành vấn đề toàn cầu và thực tế trong nước cho thấy không thể không bảo vệ môi trường, nếu muốn được sống trong môi trường trong lành và có được sự phát triển bền vững.

Từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường. Các quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường trong phát triển bền vững đã nhanh chóng được thể chế hóa bằng các công cụ chính sách, pháp luật cụ thể. Bên cạnh hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, nhiều chiến lược, kế hoạch cũng đã được ban hành, trong đó phải kể đến Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói, giảm nghèo và Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam), Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Việc ban hành và áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý bảo vệ môi trường đã bước đầu được triển khai có hiệu quả. Nhiều bộ, ngành đã ban hành các quy định, kế hoạch hành động về bảo vệ môi trường trong khu vực mình quản lý.

Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đã bắt đầu được hình thành từ năm 1992 với việc thành lập Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường các tỉnh, thành. Sau khi thành lập Bộ Tài nguyên và Môi trường, bên cạnh việc tăng cường và hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về môi trường cấp bộ, hệ thống quản lý nhà nước về môi trường đã được hình thành đến cấp huyện và một số nơi đã bố trí cán bộ giúp ủy ban nhân dân cấp xã quản lý môi trường. Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam và các hội viên thành viên ở các tỉnh, thành được thành lập và đi vào hoạt động ổn định. Nhiều hội nghề nghiệp liên quan đến môi trường cũng được thành lập hoặc tổ chức nhiều hoạt động có hiệu quả về môi trường.

Nhiệm vụ tổ chức triển khai thực thi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về môi trường đã được các cấp, các ngành đặc

biệt chú trọng. Nhiều đề án, dự án, mô hình nhằm ngăn ngừa, ứng phó và khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường đã được thực hiện có kết quả. Công tác quan trắc và giám sát môi trường đã đặt trọng tâm vào các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp, các đô thị, các lưu vực sông bị ô nhiễm nặng; qua đó cung cấp các thông tin cần thiết cho công tác giáo dục truyền thông, xây dựng các chương trình, dự án khắc phục ô nhiễm, nhất là ô nhiễm nguồn nước các lưu vực sông Cầu, sông Đáy, sông Nhuệ, sông Sài Gòn và sông Đồng Nai. Hệ thống quan trắc môi trường quốc gia đang được tiến hành xây dựng và quy hoạch gắn với quy hoạch mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn. Hiện nay số trạm, số điểm quan trắc đã được phân bố trên hầu khắp lãnh thổ nước ta và tần suất quan trắc đã được tăng lên.

Công tác đánh giá tác động môi trường thời gian qua đã được chú ý, vừa tạo thuận lợi khuyến khích đầu tư phát triển vừa có tác dụng ngăn ngừa ô nhiễm. Quy trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã không ngừng được cải tiến, hoàn thiện. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường được tăng cường. Việc tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực bảo vệ môi trường không ngừng được đẩy mạnh. Nhiệm vụ tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức về bảo vệ môi trường được đặc biệt coi trọng. Các lớp đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong nước và nước ngoài về môi trường đã nâng cao rõ rệt kiến thức và pháp luật về môi trường cũng như kỹ năng quản lý cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Hoạt động hợp tác quốc tế về môi trường không ngừng được củng cố và phát triển.

Bên cạnh những việc đã làm được, công tác bảo vệ môi trường vẫn còn nhiều yếu kém và đang tồn tại nhiều vấn đề cần phải giải quyết một cách tích cực hơn trong thời gian tới.

Thứ nhất, tư tưởng coi trọng lợi ích cục bộ, trước mắt về kinh tế mà không chú ý đến lợi ích về môi trường còn khá phổ biến. Hiện tượng xem nhẹ bảo vệ môi trường, không thực hiện hoặc chỉ thực hiện một cách đối phó còn xảy ra ở các cấp, các ngành. Nhiều khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, dịch vụ chưa tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng ngừa ô nhiễm, giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải. Tình trạng vứt rác, phóng uế bừa bãi, làm mất vệ sinh nơi công cộng, sử dụng các biện pháp hủy diệt trong khai thác thủy sản, đánh bắt động vật quý

hiểm, thậm chí nhập khẩu chất thải xảy ra ở nhiều nơi, nhưng chưa có biện pháp khắc phục kịp thời.

Thứ hai, bộ máy tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tuy đã được tăng cường một bước, nhưng còn thiếu về số lượng và yếu về năng lực; sự phối hợp liên ngành, liên vùng còn kém hiệu quả dẫn đến chồng chéo chức năng trong khi lại bỏ trống nhiệm vụ quản lý.

Thứ ba, đầu tư cho bảo vệ môi trường còn rất thấp. Các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản chưa chú trọng khâu đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường, nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước cho hoạt động sự nghiệp môi trường còn quá thấp, các doanh nghiệp chưa chú ý đầu tư thay đổi công nghệ, thiết bị, công trình xử lý chất thải nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. So với các nước trong khu vực và trên thế giới, đầu tư bảo vệ môi trường ở Việt Nam còn rất thấp. ở Trung Quốc và các nước ASEAN đầu tư cho môi trường trung bình hàng năm chiếm khoảng 1% GDP, ở các nước phát triển thường chiếm từ 3% - 4% GDP.

Thứ tư, chúng ta chưa có chế tài đủ mạnh nhằm ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, nhất là chậm phát triển các biện pháp kinh tế phù hợp với cơ chế thị trường. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không tuân thủ quy định pháp luật. Thực tế cho thấy có đến 70% các khu công nghiệp không có hệ thống xử lý nước thải, 90% cơ sở sản xuất, dịch vụ không xử lý nước thải mà đổ thẳng ra môi trường. Mặc dù, Bộ luật Hình sự đã ban hành, có dành một chương về tội phạm môi trường, nhưng triển khai trên thực tế gặp rất nhiều khó khăn do quy định dấu hiệu phạm tội chưa rõ ràng, khó định lượng hậu quả gây ra cho môi trường.

Thứ năm, chúng ta đang đứng trước thực trạng và những thách thức gay gắt đối với công tác bảo vệ môi trường. Nguồn tài nguyên nước đang bị ô nhiễm, chủ yếu là ở các vùng hạ lưu sông do ảnh hưởng chất thải từ các đô thị và các cơ sở công nghiệp. Nguồn gây ô nhiễm chính là nước thải chưa qua xử lý, xuất phát từ các hoạt động sinh hoạt của dân cư đô thị và các hoạt động sản xuất công nghiệp. Các dạng thoái hóa đất chủ yếu là: xói mòn, rửa trôi, đất có độ phì thấp và mất cân bằng dinh dưỡng, đất chua hóa, mặn hóa, phèn hóa, bạc màu, khô hạn và sa mạc hóa, đất ngập úng, lũ quét, đất trượt và sạt lở, đất bị ô nhiễm. Trên 50% diện tích đất (3,2 triệu ha) ở vùng đồng bằng và trên 60% diện tích

đất (13 triệu ha) ở vùng đồi núi có những vấn đề liên quan tới suy thoái đất. Các yếu tố gây ô nhiễm không khí hiện nay là bụi và khí thải từ sản xuất công nghiệp và hoạt động giao thông - vận tải rất nghiêm trọng. Chất lượng rừng và đa dạng sinh học đang là một trong những vấn đề môi trường bức xúc nhất của nước ta hiện nay. Theo thống kê, diện tích đất có rừng nước ta hiện nay vào khoảng 11,5 triệu ha, trong đó 84% là rừng tự nhiên. Trong vòng chưa đầy 50 năm, diện tích che phủ rừng đã giảm từ 43% xuống còn 27% (năm 1990). Sau đó, nhờ những giải pháp kịp thời, diện tích rừng đã được nâng lên 33% (năm 2001) và 34,4% (năm 2003). Mặc dù vậy, rừng tự nhiên đầu nguồn và rừng ngập mặn vẫn tiếp tục bị tàn phá nghiêm trọng. Rừng giàu, rừng kín, rừng nguyên sinh chỉ còn chiếm khoảng 13% và rừng tái sinh chiếm tới 55% tổng diện tích rừng.

Việt Nam được coi là một trong những quốc gia có tính đa dạng sinh học cao nhất trên thế giới. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, đa dạng sinh học ở nước ta bị suy giảm mạnh. Nguyên nhân chính là do cháy rừng, tình trạng phá rừng bừa bãi và chuyển đổi mục đích sử dụng đất đai (làm đầm nuôi thủy sản, xây dựng đường sá, chuyển đất rừng thành đất nông nghiệp), dẫn đến thu hẹp nơi cư trú và nguồn nuôi dưỡng các giống loài. Tình trạng buôn bán trái phép động thực vật quý hiếm, sử dụng các biện pháp khai thác có tính hủy diệt và gia tăng ô nhiễm môi trường cũng góp phần làm suy giảm đa dạng sinh học.

Trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, yêu cầu bảo vệ môi trường đặt ra rất lớn nhưng công tác bảo vệ môi trường đang đứng trước nhiều thử thách, trong đó nổi lên là:

- Ý thức bảo vệ môi trường trong xã hội còn thấp, đặc biệt là chưa biến nhận thức về bảo vệ môi trường thành hành động trong thực tế.
- Bộ máy tổ chức và năng lực quản lý môi trường chưa đáp ứng yêu cầu, vừa thiếu về lực lượng vừa yếu về năng lực.
- Nhiều vấn đề môi trường bức xúc chưa được giải quyết trong khi dự báo mức độ ô nhiễm môi trường tiếp tục gia tăng.
- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường lạc hậu, nguồn lực bảo vệ môi trường của Nhà nước và các doanh nghiệp đều bị hạn chế.
- Sự gia tăng dân số, di dân tự do và đói nghèo chưa được giải quyết một cách cơ bản.

- Hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra các yêu cầu ngày càng cao về môi trường và tác động của các vấn đề môi trường khu vực và toàn cầu ngày càng lớn.

- Mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm với yêu cầu bảo vệ môi trường chưa được xử lý đang là thách thức lớn nhất trong công tác bảo vệ môi trường.

Mục tiêu của chúng ta về bảo vệ môi trường trong thời gian tới là: ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra. Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Khắc phục ô nhiễm môi trường, trước hết ở những nơi đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, phục hồi các hệ sinh thái đã bị suy thoái, từng bước nâng cao chất lượng môi trường. Xây dựng nước ta trở thành nước có môi trường tốt, có sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên.

Để đạt được mục tiêu đó, các bộ, các cấp, các ngành và các địa phương cần phải xác định rõ trách nhiệm của mình, chủ động phối hợp để tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

1 - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường. Thông qua các hình thức thích hợp, phổ biến, quán triệt rộng rãi nội dung Nghị quyết 41-NQ/TW, Chương trình hành động của Chính phủ, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Hình thành và tăng cường năng lực cho các bộ phận tuyên truyền về môi trường của các bộ, ngành và địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, cộng đồng dân cư để giúp các cơ sở này nhận thức rõ trách nhiệm và tự giác thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2 - Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường; xây dựng Luật Đa dạng sinh học và cơ sở văn bản hướng dẫn thi hành. Phối hợp với các bộ, ngành rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung bảo vệ môi trường đối với các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan. Xác định rõ trách nhiệm, sự phân công, phân cấp hợp lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường giữa các bộ,

ngành và các địa phương theo hướng tăng cường sự liên kết, phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ môi trường.

3 - Tạo sự chuyển biến cơ bản trong đầu tư bảo vệ môi trường. Tiếp tục thể chế hóa việc áp dụng công cụ kinh tế; ban hành quy định về việc thu và sử dụng các loại phí, lệ phí bảo vệ môi trường theo danh mục đính kèm Pháp lệnh phí và lệ phí; khẩn trương xây dựng Luật Thuế bảo vệ môi trường; phân định rõ các nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động sự nghiệp môi trường. Trên cơ sở đó hình thành mục chi ngân sách nhà nước riêng cho các hoạt động sự nghiệp môi trường, xây dựng kế hoạch thực hiện để đến năm 2006 bố trí không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước cho mục chi các hoạt động sự nghiệp môi trường và bảo đảm tăng dần hằng năm theo tốc độ tăng trưởng kinh tế. Đa dạng hóa đầu tư bảo vệ môi trường để bảo đảm có đủ nguồn lực bảo vệ môi trường, trong đó chú trọng huy động mọi nguồn lực trong toàn xã hội để đầu tư bảo vệ môi trường. rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho bảo vệ môi trường; tăng tỷ lệ đầu tư cho bảo vệ môi trường từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

4 - Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường. Phát huy vai trò chủ động, tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng, cộng đồng dân cư trong việc tham gia và giám sát công tác bảo vệ môi trường. Đa dạng hóa các loại hình hoạt động bảo vệ môi trường, có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thực hiện các dịch vụ bảo vệ môi trường, khuyến khích thành lập các tổ chức đánh giá, tư vấn, giám định về bảo vệ môi trường.

5 - Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực cho bảo vệ môi trường. Xây dựng luận cứ khoa học phục vụ công tác hoạch định chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường. Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ môi trường, công nghệ sạch, thân thiện môi trường, phát triển các công nghệ xử lý và tái chế, tái sử dụng chất thải. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong bảo vệ môi trường. Xây dựng và nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật về an toàn hạt nhân và an toàn bức xạ. Ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường quốc gia; xây

dụng và tổ chức thực hiện đề án thúc đẩy chuyển giao và ứng dụng công nghệ môi trường.

6 - Mở rộng hợp tác quốc tế bảo vệ môi trường; đáp ứng yêu cầu về môi trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, các hoạt động hợp tác quốc tế song phương và đa phương về môi trường, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ để bảo đảm hiệu quả của các hoạt động trên. Hoàn thiện hệ thống chính sách, tiêu chuẩn môi trường Việt Nam phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh việc phổ biến và áp dụng các tiêu chuẩn về môi trường có liên quan đến sản phẩm và hàng hóa xuất nhập khẩu. Xây dựng chiến lược hợp tác và huy động tối đa các nguồn lực quốc tế, chú trọng việc nâng cao năng lực xây dựng các chương trình, dự án, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ quốc tế cho bảo vệ môi trường. Tăng cường hợp tác với các quốc gia có chung đường biên giới, nhất là có chung các con sông để bảo vệ môi trường khu vực biên giới và kiểm soát ô nhiễm xuyên biên giới(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên *Tạp chí Cộng sản*, số 10/2006.